

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 20-5-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quyền
Các Thẩm phán: Ông Phạm Lâm Đồng
Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Trang.- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền giải quyết về tài sản: Chị Hồ Thị Tr, sinh năm 1987; địa chỉ: quận N, thành phố Cần Thơ. (văn bản ủy quyền ngày 18/5/2020). Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phan Trường G, sinh năm 1987; Địa chỉ: Q.N, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1947; Địa chỉ: Q.N, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3.2. Công ty T. Vắng mặt.

3.3. Công ty Cổ phần Tư vấn- Xây dựng S. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn anh G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị Đ trình bày và yêu cầu:

Chị và anh G tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nên đầu năm 2019 chị về nhà mẹ ruột sinh sống đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: có 01 con chung tên Phan Nhật L, sinh ngày 20/11/2018, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh Giang cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản:

- Vợ chồng có hợp đồng đặt cọc mua nền số 32/Nen ngày 21/8/2018 do anh Giang trực tiếp ký kết với Công ty T, đã đặt số tiền 190.000.000 đồng.

- Hợp đồng đặt cọc mua nền nhà với Công ty Cp Tư vấn – Xây dựng S, đã đặt cọc 195.000.000 đồng do anh G trực tiếp ký tên.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Exiter, biển số 65B2-225.42 do anh G đứng tên, trị giá 50.000.000 đồng.

Chị Đ yêu cầu chia đôi số tài sản này và nhận giá trị.

Về nợ chung: không có

- Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, ông Giang trình bày:

Anh thống nhất về quan hệ hôn nhân và con chung như chị Đ trình bày. Theo anh G, quá trình chung sống do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên chị Đ bỏ về nhà mẹ ruột tại Cà Mau sinh sống từ tháng 9/2018 cho đến nay nên không có điều kiện để hàn gắn tình cảm. Anh G thống nhất ly hôn, giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng, anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về chiếc xe mô tô BSDK 65B2-225.42, hiện nay anh đang sử dụng, giá trị hiện tại chỉ 40.000.000 đồng, đồng ý chia cho chị Đ $\frac{1}{2}$ giá trị là 20.000.000 đồng.

Riêng 02 khoản tiền đặt cọc mua nền nhà, anh không đồng ý chia, do đây là tiền của bà Mai nhờ anh đặt cọc dùm. Hiện tại hợp đồng đặt cọc đã sang tên bà Mai.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: bà là mẹ ruột anh G, hiện đang sống chung cùng anh G, theo bà M do bà lớn tuổi, đi lại khó khăn, bà có để giành được một số tiền nên nhờ anh G đi ký kết hợp đồng đặt cọc để mua 02 nền nhà như chị Đ trình bày. Hai nền nhà này hiện nay bà đã đứng tên hợp đồng.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa bà Đ đối với ông G.

- Về con chung: giao cháu Phan Nhật L (nam), sinh năm 2018 cho bà Huỳnh Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ông G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Thời gian cấp dưỡng: Từ khi án có hiệu lực cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc giá trị chiếc xe mô tô: anh G được toàn quyền sử dụng, định đoạt xe mô tô biển số 65B2-225.42 và có nghĩa vụ trả cho bà Đào 20.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung: Buộc anh G phải có nghĩa vụ giao cho chị Đ $\frac{1}{2}$ giá trị hợp đồng đặt cọc mua nền đất tại Công ty Cổ phần T là 95.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/01/2020 anh G và bà M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận chia tài sản chung giá trị hợp đồng đặt cọc mua nền số 32 là 190.000.000 đồng của chị Đ.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn, bị đơn thống nhất thuận tình ly hôn, thống nhất việc người nuôi con chung, cấp dưỡng như cấp sơ thẩm. Ngoài ra, các đương sự thống nhất việc giải quyết về tài sản theo hướng: anh G chia cho chị Đ 20.000.000 đồng giá trị chiếc xe mô tô và hỗ trợ thêm tiền chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung là 90.000.000 đồng, chị Đ không yêu cầu chia tài sản là số tiền đặt cọc mua 02 nền nhà.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án và kháng cáo: Tại phiên tòa các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, sự tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không vi phạm đạo đức xã hội, đề nghị hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc

thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn, nhận thấy:

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thống nhất thuận tình ly hôn, thống nhất việc người nuôi con chung, cấp dưỡng. Ngoài ra, các đương sự thống nhất việc giải quyết về tài sản theo hướng: anh G chia cho chị Đ 20.000.000 đồng giá trị chiếc xe mô tô và hỗ trợ thêm tiền chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung là 90.000.000 đồng, chị Đ không yêu cầu chia tài sản là số tiền đặt cọc mua 02 nền nhà.

Việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí chia tài sản. Anh G phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, hỗ trợ nuôi con và 1.000.000 đồng án phí chia tài sản; tổng án phí anh G phải chịu là 1.300.000 đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Ngọc M do là người cao tuổi. Anh Phan Trường G phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 07-01-2020 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Đ với anh Phan Trường G.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

2.1. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Phan Nhật L (nam), sinh ngày 20/11/2018 cho chị Huỳnh Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phan Trường G phải đóng góp nuôi con với chị Huỳnh Thị Đ mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Lâm đủ 18 tuổi. Thời gian đóng góp nuôi con tính từ tháng 5/2020.

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người nuôi con.

2.2. *Về chia tài sản*:

- Công nhận sự thỏa thuận của anh Giang và chị Đ về chia tài sản là chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển số 65B2. 225-42.

Chia cho anh G được sở hữu chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển số 65B2. 225-42. Anh G phải thanh toán cho chị Đào số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Anh Phan Trường G có trách nhiệm hỗ trợ cho chị Huỳnh Thị Đ 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) tiền hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Phan Nhật L.

Chị Đào không yêu cầu chia tài sản là số tiền đặt cọc mua hai nền nhà (vì anh Giang đã hỗ trợ thêm tiền chăm sóc, nuôi con).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí chia tài sản, được khấu trừ vào 5.737.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 001714 ngày 04/9/2019; chị Đ được nhận lại 4.437.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Anh G phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, hỗ trợ nuôi con và 1.000.000 đồng án phí chia tài sản; tổng án phí anh G phải chịu là 1.300.000 đồng.

- Về án phí phúc thẩm:

Miễn án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Ngọc M nên bà M được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 002269 ngày 20/01/2020 của Chi cục thi hành án quận ninh Kiều.

Anh Phan Trường G phải chịu 300.000 đồng, chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 002270 ngày 20/01/2020 sang án phí; anh G đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND-TPCT
- TAND Q.Ninh Kiều
- Các đương sự
- Chi Cục THADS Q.Ninh Kiều
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quyền